TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 08-01-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Ngọc Gi, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp CM, xã TT, huyện CN, tỉnh CM

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1989 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp CM, xã TT, huyện CN, tỉnh CM; Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 10 năm 2020).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim Tr, sinh năm 1952 (Có mặt).

Cư trú tại: Khóm M, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh CM

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Liêu Tú H, sinh năm 1974 (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Khóm M, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:

Vào ngày 20/01/2018 (âm lịch) bà Trần Ngọc Gi có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Liêu Tú H vay số tiền là 200.000.000 đồng, nhưng do chị H và anh Th không đủ ủy tín nên bà Gi có yêu cầu bà Nguyễn Kim Tr mẹ ruột của chị H đứng ra bảo lãnh, nếu chị H và anh Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thì bà Tr sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Gi thay cho chị H và anh Th. Sau khi thỏa thuận thì chị H có viết biên nhận nội dung có nợ bà Gi số tiền 200.000.000 đồng và cùng với bà Tr ký tên vào biên nhận. Khi vay thì lãi suất hai bên thỏa thuận 03%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng.

Đến thời hạn nhưng chị H và anh Th không trả lãi, vốn cho bà Gi. Bà Gi đã yêu cầu nhiều lần nhưng anh Th, chị H vẫn không thực hiện việc trả nợ. Tại đơn khởi kiện của bà Gi yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn Th, chị Liêu Tú H và bà Nguyễn Kim Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Ngọc Gi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Gi thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Kim Tr có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc Gi số tiền vay vốn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 20/01/2018 (âm lịch) đến khi xét xử xong vụ án. Không yêu cầu anh Th và chị H liên đới trả nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Kim Tr trình bày:

Bà thừa nhận vào 20/01/2018 (âm lịch) có nhận bảo lãnh cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Liêu Tú H vay của bà Trần Ngọc Gi số tiền 200.000.000 đồng. Khi bảo lãnh thì bà biết nếu vợ chồng anh Th và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thì bà phải trả số nợ này cho bà Gi, vì chị H là con ruột của bà nên bà đứng ra bảo lãnh để cho chị H có vốn kinh doanh. Khi vay tiền thì chị H có viết biên nhận, bà cùng chị H ký tên vào trong biên nhận, chữ ký "Trang" trong văn bản bà Gi cung cấp cho Tòa án đề ngày 20/01/2018 là của bà. Lãi suất bà Gi cho vay 10.000.000 đồng mỗi ngày tiền lãi là 100.000 đồng, thời hạn vay là 15 tháng. Đối với số tiền chị H và anh Th vay của bà Gi không phải bà Gi đưa một lần 200.000.000 đồng, mà trước đây chị H có vay của bà Gi nhiều lần, đến ngày 20/01/2018 (âm lịch) kết nợ lại là 200.000.000 đồng. Sau khi vay tiền thì có khi là bà, khi là chị H đóng lãi cho bà Gi nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần, số tiền trả là bao nhiêu, khi trả lãi thì hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Nay vợ chồng anh Th và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, bà Gi yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả cho bà Gi số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 20/01/2018 (âm lịch) đến khi xét xử xong vụ án, bà đồng ý.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Liêu Tú H trinh bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Trần Văn M, vào ngày 20/01/2018 (âm lịch) chị có vay của bà Trần Ngọc Gi số tiền vốn là 200.000.000 đồng, lãi suất bà Gi cho vay 10.000.000 đồng mỗi ngày tiền lãi là 100.000 đồng, thời hạn vay là 15 tháng. Khi vay chị có viết biên nhận nợ cho bà Gi, văn bản bà Gi cung cấp cho Tòa án đề ngày 20/01/2018 là do chị viết và ký tên. Do chị không đủ uy tín nên bà Gi yêu cầu mẹ ruột của chị là bà Nguyễn Kim Tr đứng ra bảo lãnh, nếu chị và anh Th đến hạn không trả nợ thì bà Tr sẽ đứng ra trả số nợ này. Đối với số tiền 200.000.000 đồng không phải bà Gi đưa cho chị vay một lần, trước đó bà Gi cho chị vay rất nhiều lần, mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, vào 20/01/2018 (âm lịch) thì mới kết nợ lại với nhau. Sau khi vay đến nay chị có gửi tiền lãi cho bà Gi nhưng không nhớ bao nhiêu lần, số tiền trả là bao nhiêu vì khi trả hai bên không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến. Mục đích chị và anh Th vay tiền của bà Gi là để làm vốn mua Vịt về buôn bán tại chợ khóm 1, thị trấn Cái Nước nhưng do dịch bệnh Covid 19 nên làm ăn thua lỗ mất khả năng trả nợ cho bà Gi. Nay bà Gi yêu cầu bà Tr thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thì bà đồng ý.

Đối với anh Nguyễn Văn Th, Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập anh Th để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN CỦA NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là Trần Ngọc Gi với bị đơn là bà Nguyễn Kim Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Liêu Tú H, anh Nguyễn Văn Th là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" được quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại Khóm M, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh CM nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh Th vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với anh Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Bà Trần Ngọc Gi, bà Nguyễn Kim Tr và chị Liêu Tú H thống nhất xác định vào ngày 20/01/2018 (Âm lịch) bà Tr có đứng ra để bảo lãnh cho con ruột là chị H và con rể là anh Th vay của bà Gi số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thời hạn vay là 15 tháng. Đến thời hạn nếu anh Th và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Tr sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho bà Gi, khi vay thì chị H có viết biên nhận và cùng với bà Tr ký tên. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Tr bảo lãnh cho chị H và anh Th vay tiền của bà Gi 200.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Sau khi vay đến hạn trả nợ nhưng chị H và anh Th không thực hiện nghĩa vụ nên bà Gi khởi kiện là có cơ sở.

Tại đơn khởi kiện bà Gi yêu cầu bà Tr, chị H và anh Th cùng liên đới trả nợ, tuy nhiên tại "Đơn yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện" đề ngày 01/12/2020 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Kim Tr thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, không yêu cầu anh Th và chị H cùng liên đới trả nợ. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất cho vay: Tại biên nhận vay tiền đề ngày 20/01/2018 (âm lịch) không thể hiện lãi suất cho vay giữa các bên, đại diện của bà Gi trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, nay bà Gi yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay theo quy định của pháp luật, thời gian từ ngày 20/01/2018 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Tr và chị H trình bày lãi suất bà Gi cho vay 10.000.000 đồng lãi mỗi ngày 100.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của các đương sự có sự mâu thuẫn nhau và các bên không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên, theo lời trình của các đương sự thì mức lãi suất cho vay cao hơn so với quy định của Bộ luật dân sự. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thảo thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*", do đó cần phải điều chỉnh lãi suất cho vay giữa các bên cho phù hợp với quy định.

Bà Tr và chị H cho rằng trước đây có gửi tiền lãi cho bà Gi nhiều lần nhưng không nhớ số lần cụ thể và số tiền trả là bao nhiêu vì khi trả hai bên không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến. Bà Gi trình bày từ khi vay đến nay bà Tr, chị

H, anh Th không đóng lãi. Xét thấy, bà Tr và chị H trình bày cho rằng có đóng lãi cho bà Gi nhưng bà Gi không thừa nhận, không ai chứng kiến, bà Tr và chị H cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên việc bà Tr và chị H cho rằng đã đóng lãi cho bà Gi là không có cơ sở.

Đối với số tiền lãi cho vay bà Gi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/01/2018 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể số tiền lãi như sau:

Ngày vay tiền là ngày 20/01/2018 âm lịch (nhằm ngày 07/3/2018 dương lịch) đến ngày xét xử 08/01/2021 là 34 tháng 01 ngày.

200.000.000 đồng x 20%/năm x 34 tháng 01 ngày = 113.444.000 đồng.

Từ các phân tích đánh giá nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Gi đối với bà Nguyễn Kim Tr. Buộc bà Tr có nghĩa vụ trả cho bà Gi tiền nợ vốn 200.000.000 đồng, tiền nợ lãi 113.444.000 đồng, tổng là 313.444.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gi nên bà Tr phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 15.672.000 đồng. Tuy nhiên, bà Tr là người cao tuổi và có đơn xin được miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr, bà Tr được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm Đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 335, 339, 342, 357, 468, 469 Bộ luật Dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Gi đối với bà Nguyễn Kim Tr.

Buộc bà Nguyễn Kim Tr có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc Gi số tiền 313.444.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Gi có đơn yêu cầu thi hành án, bà Tr không thi hành khoản tiền nêu trên thì bà Tr phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Kim Tr được miễn tiền án phí.

Bà Trần Ngọc Gi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Gi có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005761 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Bà Gi được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Trần Ngọc Gi, bà Nguyễn Kim Tr, chị Liêu Tú H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ